

BẢN TIN CẢNH BÁO MÔI TRƯỜNG MÙA KHÔ VÀ GIAI ĐOẠN CHUYỂN MÙA NẮNG – MƯA

I. Nhận định chung

Căn cứ Bản tin dự báo, cảnh báo khí hậu thời hạn mùa (từ tháng 4–9/2026) số KHHM-03/15h00/DBQG ngày 15/3/2026 của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, năm 2026 khu vực Nam Bộ tiếp tục chịu ảnh hưởng của xu thế nắng nóng gia tăng về cường độ và phạm vi; đồng thời từ tháng 4 bắt đầu xuất hiện các đợt mưa chuyển mùa kèm theo dông, lốc, sét và mưa cục bộ.

Trong bối cảnh đó, giai đoạn cuối mùa khô và đầu mùa mưa được xác định là thời kỳ có biến động mạnh về các yếu tố môi trường nước, đặc biệt tại các vùng nuôi trồng thủy sản phụ thuộc nguồn nước tự nhiên. Các thông số môi trường như nhiệt độ, độ mặn, pH và các chỉ tiêu chất lượng nước có xu hướng dao động lớn, làm gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất.

Kết quả quan trắc môi trường giai đoạn 2021–2025 cho thấy, tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, các yếu tố môi trường nước có sự biến động rõ rệt theo mùa, trong đó mùa khô thường ghi nhận nhiệt độ cao, độ mặn tăng và nguy cơ tích tụ chất hữu cơ; trong khi giai đoạn đầu mùa mưa xuất hiện biến động đột ngột về pH, độ mặn và hàm lượng oxy hòa tan. Đồng thời, tỷ lệ các thông số vượt ngưỡng cho phép có xu hướng gia tăng trong các thời điểm giao mùa, đặc biệt đối với các chỉ tiêu như TSS, COD, NH_4^+ và vi sinh vật (*Vibrio*, *Aeromonas*).

Những kết quả này cho thấy giai đoạn chuyển mùa là thời kỳ nhạy cảm, tiềm ẩn nhiều rủi ro về môi trường và dịch bệnh, cần được theo dõi chặt chẽ và có biện pháp quản lý phù hợp nhằm đảm bảo ổn định sản xuất nuôi trồng thủy sản.

II. Diễn biến và các yếu tố môi trường cần lưu ý

Trong mùa khô, nhiệt độ không khí và nhiệt độ nước có xu hướng gia tăng, đồng thời biên độ dao động nhiệt trong ngày lớn. Sự gia tăng nhiệt độ làm giảm khả năng hòa tan oxy trong nước và làm tăng tỷ lệ NH_3 tự do, dạng có độc tính cao đối với thủy sinh vật. Bên cạnh đó, nhiệt độ cao làm tăng cường độ trao đổi chất của thủy sản, trong khi khả năng cung cấp oxy trong môi trường nước lại suy giảm, dẫn đến nguy cơ thiếu oxy cục bộ, đặc biệt vào ban đêm. Sự biến động của nhiệt độ và oxy hòa tan (DO) có thể gây sốc, làm giảm khả năng bắt mồi, suy giảm sức đề kháng và làm gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

Cùng với đó, trong mùa khô, lưu lượng nước ngọt suy giảm làm gia tăng xâm nhập mặn tại các vùng ven biển và cửa sông. Theo World Bank, Đồng bằng sông Cửu Long là khu vực chịu tác động mạnh của xâm nhập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu, với xu thế gia tăng về phạm vi và mức độ ảnh hưởng. Độ mặn là yếu tố môi trường quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng và tỷ lệ sống của thủy sản nuôi; biến động lớn trong thời gian ngắn có thể gây sốc sinh lý, rối loạn áp suất thẩm thấu và ảnh hưởng đến khả năng thích nghi của thủy sinh vật.

Theo bản tin dự báo xâm nhập mặn số XMAN-04/15h00/DBQG ngày 10/4/2026, xâm nhập mặn mùa khô 2025–2026 biến động theo triều, có xu hướng gia tăng trong các đợt triều cường (tháng 4–5), với ranh mặn 4‰ xâm nhập sâu khoảng 20–50 km và độ mặn vùng cửa sông có thể đạt trên 16–19 g/l. Mặc dù mức độ xâm nhập mặn thấp hơn năm trước và trung bình nhiều năm, vẫn xuất hiện các đợt tăng cao cục bộ. Kết quả quan trắc giai đoạn 2021–2025 cũng cho thấy độ mặn có xu hướng tăng và biến động mạnh trong mùa khô, đặc biệt trong các tháng 2–4.

Trong điều kiện nắng nóng kéo dài, mật độ tảo trong ao nuôi có xu hướng gia tăng do cường độ bức xạ và quá trình quang hợp mạnh, làm pH nước tăng cao vào ban ngày và giảm vào ban đêm, dẫn đến biên độ dao động lớn trong ngày. Sự biến động pH không chỉ gây sốc cho thủy sản mà còn làm gia tăng độc tính của NH_3 . Khi tảo phát triển quá mức và xảy ra hiện tượng tảo tàn, lượng chất hữu cơ tăng cao, làm tiêu hao oxy hòa tan và phát sinh khí độc như H_2S . Đặc biệt, trong giai đoạn chuyển mùa nắng – mưa, sự gia tăng dinh dưỡng từ nước mưa kết hợp với điều kiện nhiệt độ và ánh sáng thuận lợi có thể kích thích tảo phát triển mạnh, thậm chí gây hiện tượng nở hoa tảo, làm gia tăng nguy cơ biến động pH, thiếu oxy cục bộ và suy giảm chất lượng nước.

Giai đoạn chuyển mùa nắng sang mưa cũng làm gia tăng biến động môi trường do các trận mưa đầu mùa xuất hiện đột ngột, làm thay đổi nhanh nhiệt độ, độ mặn, pH và độ kiềm trong ao nuôi. Sự thay đổi này có thể gây sốc cho thủy sản, đặc biệt đối với mô hình nuôi thâm canh. Đồng thời, mưa lớn làm xáo trộn cột nước, dễ gây phân tầng và làm giảm oxy hòa tan ở tầng đáy. Nước mưa còn cuốn theo chất hữu cơ và dinh dưỡng từ bên ngoài vào thủy vực, tạo điều kiện thuận lợi cho tảo và vi sinh vật phát triển, làm gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh. Thực tế quan trắc giai đoạn 2021–2025 cho thấy thời điểm đầu mùa mưa thường ghi nhận sự biến động mạnh của các chỉ tiêu môi trường như pH, DO và độ mặn, kèm theo hiện tượng phát triển tảo và gia tăng vi sinh vật; một số thời điểm xuất hiện tình trạng thiếu oxy cục bộ và dịch bệnh sau các đợt mưa lớn kéo dài.

Bên cạnh đó, trong điều kiện mùa khô, sự tích tụ chất hữu cơ do nhiệt độ cao và mật độ nuôi lớn làm gia tăng nhu cầu oxy sinh hóa, đồng thời phát sinh các khí độc như NH_3 và H_2S , gây suy giảm chất lượng nước. Trong giai đoạn chuyển mùa, biến động môi trường kết hợp với nguồn dinh dưỡng từ nước mưa tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật phát triển, đặc biệt là các vi khuẩn gây bệnh như *Vibrio* spp. và *Aeromonas* spp.. Kết quả quan trắc giai đoạn 2021–2025 cho thấy các chỉ tiêu như TSS, COD, NH_4^+ và vi sinh vật có xu hướng gia tăng, nhiều thời điểm vượt ngưỡng cho phép, làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường và phát sinh dịch bệnh.

Do đó, các yếu tố môi trường trong mùa khô và giai đoạn chuyển mùa có mối liên hệ chặt chẽ và tác động cộng hưởng, đòi hỏi phải được theo dõi, kiểm soát thường xuyên nhằm hạn chế rủi ro và đảm bảo hiệu quả sản xuất nuôi trồng thủy sản.

III. Khuyến cáo

Cảnh báo: Giai đoạn mùa khô và chuyển mùa nắng – mưa năm 2026 tiềm ẩn rủi ro do biến động môi trường ở mức cao do các yếu tố nhiệt độ, độ mặn, pH và oxy hòa tan biến động mạnh, có thể gây sốc môi trường và làm gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh trên thủy sản nuôi. Để giảm thiểu rủi ro và hạn chế thiệt hại trong sản xuất, các cơ sở nuôi cần quan tâm theo dõi sát diễn biến môi trường, đồng thời chủ động áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế.

Trên cơ sở đó, một số nội dung khuyến nghị được đề xuất như sau:

1. Quản lý môi trường nuôi

- Duy trì mực nước ao nuôi phù hợp ($\geq 1,3-1,5$ m đối với tôm); tăng cường vận hành quạt nước, sục khí, đặc biệt vào ban đêm.
- Theo dõi thường xuyên các chỉ tiêu môi trường (nhiệt độ, DO, pH, độ mặn, NH_3 , NO_2), tăng tần suất quan trắc trong thời điểm nắng nóng và sau mưa.
- Tăng cường các biện pháp cải thiện oxy hòa tan (quạt nước, sục khí hoặc đảm bảo lưu thông dòng chảy).
- Tùy theo đối tượng nuôi, cần lưu ý các yếu tố đặc thù như độ mặn, độ kiềm, dòng chảy hoặc điều kiện bãi nuôi để có điều chỉnh phù hợp.

2. Ứng phó với nắng nóng

- Chủ động các biện pháp giảm tác động của nhiệt độ cao: Tăng mực nước, có thể hạ độ sâu lồng bè hoặc áp dụng biện pháp giảm nhiệt khi cần thiết.
- Điều chỉnh lượng thức ăn hợp lý, giảm cho ăn khi nhiệt độ cao.
- Bổ sung vitamin, khoáng chất nâng cao sức đề kháng.

3. Ứng phó với mưa chuyển mùa

- Theo dõi và điều chỉnh các yếu tố môi trường sau mưa (pH, độ mặn, độ kiềm).
- Hạn chế cấp hoặc thay nước khi môi trường biến động lớn; tăng cường khuấy trộn nước khi cần thiết.
- Tăng cường sục khí, hạn chế phân tầng nước.
- Đối với các mô hình nuôi phụ thuộc nguồn nước tự nhiên (lồng bè, bãi nuôi), cần theo dõi chặt chẽ diễn biến môi trường khu vực để có biện pháp ứng phó phù hợp. Đối với nghề cần theo dõi độ mặn, hạn chế thả giống/thu hoạch sau mưa lớn. Đối với nuôi lồng bè cần theo dõi dòng chảy, DO; di chuyển lồng (nếu cần) tránh khu vực nước đục, ô nhiễm sau mưa.

- Đối với các ao nuôi tôm thâm canh cần kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước ngay sau cơn mưa đầu mùa, theo dõi khả năng bắt mồi của tôm, điều chỉnh giảm lượng thức ăn hoặc cắt cử khi có biến động lớn về môi trường và khả năng bắt mồi giảm.

4. Quản lý nguồn nước

- Kiểm tra chất lượng nước trước khi cấp vào ao; sử dụng ao lắng để xử lý nước.
- Hạn chế thay nước khi môi trường không ổn định.
- Đối với vùng nuôi tôm, cá tra: kiểm soát nguồn nước cấp, tránh mầm bệnh.
- Đối với vùng nuôi nghêu: theo dõi nguồn nước tự nhiên và thủy triều.
- Đối với vùng nuôi lồng bè: theo dõi chất lượng nước sông thượng nguồn; tránh khu vực có nguồn thải, ô nhiễm cục bộ.

5. Phòng, chống dịch bệnh

- Theo dõi sức khỏe thủy sản; lấy mẫu kiểm tra khi có dấu hiệu bất thường.
- Chủ động kiểm tra môi trường và dịch bệnh trong điều kiện thời tiết bất lợi.
- Không thả giống khi thời tiết cực đoan hoặc môi trường biến động mạnh.
- Đối với từng đối tượng nuôi, cần lưu ý các tác nhân gây bệnh đặc trưng để có biện pháp phòng ngừa phù hợp:

Tôm: Kiểm soát hàm lượng Vibrio tổng số, quản lý tốt môi trường đáy ao.

Cá tra: Lưu ý bệnh gan thận mủ, xuất huyết, kiểm tra các tác nhân *Edwardsiella ictaluri* và *Aeromonas hydrophila*

Nghêu: Giám sát hiện tượng chết bất thường theo khu vực.

Lồng bè: Định kỳ vệ sinh lồng, loại bỏ thức ăn dư thừa; giảm mật độ khi có dấu hiệu bệnh, hạn chế lây lan.

Nơi nhận

Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
Sở NN&MT An Giang;
Sở NN&MT Đồng Tháp;
Sở NN&MT Cần Thơ;
Sở NN&MT Vĩnh Long;
Sở NN&MT Cà Mau;
Chi cục Thủy sản và Kiểm Ngư – tỉnh An Giang;
Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Đồng Tháp;
Chi cục Thủy sản và kiểm ngư Thành phố Cần Thơ;
Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và biển đảo – tỉnh Vĩnh Long;
Chi cục Thủy sản Cà Mau;

CC. GIÁM ĐỐC



ThS. Võ Hồng Phượng